



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thông tin chung**

**Giấy chứng nhận đăng ký chào bán**  
**Chứng chỉ quỹ ra công chúng**

02/GCN-UBCK cấp ngày 10 tháng 1 năm 2014

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập**  
**Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

11/GCN-UBCK cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

**Ban Đại Diện Quỹ**

Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower  
Số 9-11 Tôn Đức Thắng  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Trần Phát Minh, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Trần Phát Minh  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 8 năm 2018

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC, Thông tư số 181/2015/TT-BTC, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **I. Thông tin chung về Quỹ**

#### **1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Báo cáo bạch của Quỹ.

#### **2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 6,62% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

#### **4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

#### **5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 69.861.083.169 VND.
- Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 6.368.632,44 Chứng chỉ quỹ.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):**

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 2.000 VND/Chứng chỉ quỹ.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản Quỹ:**

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/6/2018 (%)	30/6/2017 (%)	30/6/2016 (%)
1. Danh mục chứng khoán	70,37	78,00	65,19
2. Tài sản khác	29,63	22,00	34,81
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	69.861.083.169	78.400.890.400	73.133.746.520
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.368.632,44	6.204.504,74	5.931.660,19
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	10.969,56	12.636,12	12.329,39
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	12.714,52	12.636,12	12.329,39
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.018,62	11.482,60	10.249,09
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	(13,19%)	2,49%	19,84%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	64,13%	(47,19%)	(906,96%)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(77,32%)	49,68%	926,80%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,18%	2,22%	2,34%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	1,58	1,47	1,73

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	(13,19%)	(13,19%)
- 3 năm	6,62%	40,46%
- Từ khi thành lập	9,70%	56,83%

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

Thời kỳ	30/6/2018 (%)	30/6/2017 (%)	30/6/2016 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(13,19%)	2,49%	19,84%

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt mức tăng trưởng ổn định trong 6 tháng đầu năm 2018, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro từ thị trường quốc tế. Chi tiết được thể hiện qua các chỉ số vĩ mô:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước (quý 1 tăng 7,45% và quý 2 tăng 6,79%) - mức tăng cao nhất của 6 tháng kể từ năm 2011. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,93%, đóng góp 9,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,07%, đóng góp 48,9%; khu vực dịch vụ tăng 6,90%, đóng góp 41,4%. Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,15% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,78%; khu vực dịch vụ chiếm 41,82%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,25% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2017 là: 15,06%; 32,75%; 41,82%; 10,37%).
- Lộ trình tăng giá các nhóm hàng hoá, dịch vụ là nguyên nhân dẫn đến CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2018 tăng 3,29% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Trong đó, CPI tháng 6 năm 2018 tăng 2,22% so với tháng 12 năm 2017 và tăng 4,67% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2018 tăng 1,35% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Với mức tăng hiện tại việc kiểm soát lạm phát vẫn nằm trong mục tiêu điều hành của Quốc hội và Chính phủ là 4%.
- Trong 6 tháng đầu năm 2018, huy động của các tổ chức tín dụng tăng trưởng mạnh đạt 7,78% so với mức tăng trưởng 5,89% của cùng kỳ năm 2017 và với mức tăng trưởng 6,35% của hoạt động tín dụng. Với định hướng kiểm soát giá tiêu dùng; tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, ưu tiên đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tốc độ cho vay nền kinh tế trong 2 quý đầu năm đều thấp hơn so với cùng kỳ nhằm duy trì tăng trưởng tín dụng 17% - thấp hơn mức tăng của năm 2017 là 18,17%.



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- Tổng phương tiện thanh toán dồi dào, huy động tăng trưởng mạnh hơn hoạt động cho vay, chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt là cơ sở để mặt bằng lãi suất được giữ ổn định. Và trong 6 tháng đầu năm, mặt bằng lãi suất cho vay giảm 0,5% góp phần hỗ trợ cho các doanh nghiệp, người dân tiếp cận tín dụng. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn (khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, mức tín nhiệm cao, lãi suất cho vay từ 4%-5%/năm); 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.
- Tính chung 2 quý đầu năm, tỷ giá tăng xấp xỉ 1%. Việc tỷ giá USD/VND tăng nhanh trong cuối tháng 6 bắt nguồn từ các quyết định tăng lãi suất của Fed và cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc. Ngân hàng Nhà nước đã hỗ trợ đồng VND bằng cách hạ giá bán ra ở mức 23.050 VND. Trước đó, Ngân hàng Nhà nước đã mua vào khoảng trên 11 tỷ USD, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước lên khoảng 63,5 tỷ USD đến cuối quý 2 năm 2018.
- Tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm thể hiện xu hướng giảm trong 6 tháng năm 2018 với mức giảm mạnh nhất ghi nhận trong tháng 3. Tuy nhiên, đà giảm chậm lại trong tháng 6 với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt 16,23 tỷ USD, hơn gấp đôi tổng số vốn đăng ký mới của 5 tháng đầu năm, phần lớn đóng góp từ các dự án lớn như Thành phố Thông minh tại Đồng Anh – Hà Nội 4,1 tỷ USD, nhà máy sản xuất polypropylene – Bà Rịa Vũng Tàu 1,2 tỷ USD.
- Kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 113,93 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng khá so với cùng kỳ. Khu vực kinh tế trong nước đạt 33,07 tỷ USD, tăng 19,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 80,86 tỷ USD (chiếm 71% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 14,5%. Bên cạnh đó, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu 6 tháng năm 2018 ước tính đạt 111,22 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 46,01 tỷ USD, tăng 12,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 65,21 tỷ USD, tăng 8,1%. Qua đó, cán cân thương mại trong quý 2 năm 2018 thặng dư và đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2012 – 2018, động lực chính của việc thặng dư tiếp tục đến từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (xuất siêu 15,65 tỷ USD) và khu vực kinh tế trong nước vẫn nhập siêu 12,94 tỷ USD.
- Sau chuỗi tăng giá kéo dài từ năm 2016, thị trường chứng khoán đã điều chỉnh khá sâu từ quanh 1.200 điểm. Đóng cửa tháng 6 năm 2018, chỉ số giảm 2,4% so với đầu năm, giữ ở mức 960 điểm và giảm 25% so với mốc đỉnh điểm được xác lập trong 6 tháng đầu năm. Trong khoảng thời gian trên, thị trường đón nhận nhiều thông tin tiêu cực từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc; lạm phát, tỷ giá tăng là hệ lụy tiếp theo ảnh hưởng xấu đến tâm lý đầu tư trên toàn thị trường. Mặc dù đã giảm khá mạnh nhưng đến cuối quý 2 chỉ số chưa có dấu hiệu phục hồi cùng với thanh khoản duy trì ở mức khá thấp so với đầu năm 2018.

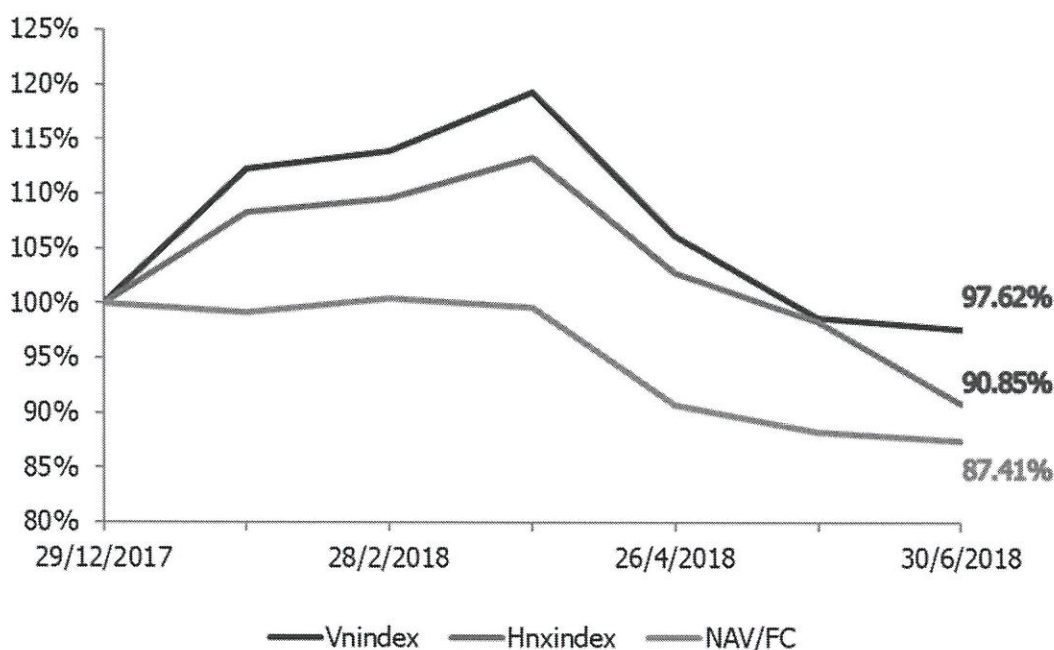
**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:**

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(77,32%)	269,69%	72,75%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	64,13%	(263,07%)	(63,05%)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(13,19%)	6,62%	9,70%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	(13,19%)	40,46%	56,83%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong nửa đầu năm 2018



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1)-(2))/(2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	69.861.083.169	74.816.350.778	(6,62%)
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ	10.969,56	12.549,81	(12,59%)

Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ giảm mạnh hơn giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ dưới những tác động tiêu cực của thị trường

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại 30/6/2018:**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	98	81.432,99	1,28%
Từ 5.000 - 10.000	15	133.608,51	2,10%
Từ 10.000 đến 50.000	3	105.951,86	1,66%
Từ 50.000 đến 500.000	3	644.681,37	10,12%
Trên 500.000	1	5.402.957,71	84,84%
<b>Tổng cộng</b>	<b>120</b>	<b>6.368.632,44</b>	<b>100,00%</b>

**5. Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Từ mức giá đóng cửa 984,24 điểm cuối năm 2017, thị trường đã mất 2,4% trong 2 quý đầu năm. Mặc dù quý 1 thị trường tiếp tục đà tăng tốt với nội lực phát huy từ nền kinh tế vĩ mô - vi mô, tâm lý bi quan trên toàn thị trường đã khiến chỉ số giảm sâu trong quý 2.

Tình hình kinh tế vĩ mô được nhận định sẽ diễn biến theo chiều hướng tốt trong nửa cuối năm 2018. Tuy nhiên Nhà nước sẽ gặp nhiều thách thức trong chính sách điều hành – tăng trưởng nhưng vẫn kiểm soát được lạm phát, lãi suất và tỷ giá. Cụ thể tác động từ kế hoạch tăng lãi suất của Fed, chiến tranh thương mại sẽ khiến những vấn đề nêu trên gặp khó khăn. Do đó, thị trường chứng khoán Việt Nam phải đối mặt với nhiều rủi ro không lường trước được, tức thời là sự rút ròng liên tục từ dòng vốn ngoại. Mặc dù khá thận trọng nhưng sau khi giảm mạnh 25% trong cuối tháng 6, chúng tôi nhận định nguồn cung giá thấp đã cạn dần, thị trường cần thời gian tích lũy đi ngang để tạo đà phục hồi nhẹ trong thời gian sắp tới và rủi ro sẽ lớn dần vào quý 4. Những doanh nghiệp có nội tại và tiềm lực tốt sẽ tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư với mức P/E thấp hơn trung bình ngành, mặt bằng giá hấp dẫn.

**VI. Thông tin khác**

**1. Nhân sự điều hành Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Cung Trần Việt	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “VCAM”)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại Học Sydney  Cử Nhân Khoa Học về Kỹ thuật Chế Biến Thực Phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.
Bà Trần Đỗ Quyên	Trưởng bộ phận kế toán Quỹ	Cử nhân ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management	Gia nhập VCAM từ năm 2011, bà Đỗ Quyên có kinh nghiệm trong thị trường tài chính và quản trị các quỹ đầu tư thành viên và quỹ mở của VCAM, bao gồm các quỹ như VCF, VCHF và VCAMBF. Bà đã lấy bằng Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**2. Ban Đại diện Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Thạc sỹ quản trị kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên	Cử nhân Thương mại của Curtin University of Western Australia  Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)  Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ	Bà Nguyễn Thanh Phương là thành viên sáng lập của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt và Công ty Chứng khoán Bản Việt “VCSC”. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng TMCP Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), Bà Phương được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012 đến tháng 4 năm 2013, và là Thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 4 năm 2013 tới nay.  Bà Phương từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những Nhà Đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập VCAM, Bà giữ vai trò Giám đốc Đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán London.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	Cử nhân chuyên ngành kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)  Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)	Với cương vị Giám đốc Điều hành Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Bên cạnh vai trò điều hành VCHF, ông Tuấn còn chịu trách nhiệm quản lý các Quỹ đầu tư quốc tế. Ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty. Ông Tuấn cũng góp phần tham gia hoạch định chiến lược phát triển, quan hệ Nhà đầu tư, hoạt động huy động vốn thành lập Quỹ và hiện đang đại diện phần góp vốn của VCAM tham gia vào Hội đồng Quản trị của các công ty do VCAM đầu tư. Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)	Thành viên Hội đồng quản trị	Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard  Cử nhân Bác sĩ y khoa trường Đại học Northwestern  Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ	Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, Ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
			<p>Ông Bảo hiện đang giữ chức vụ điều hành của các công ty như tập đoàn VC, Vật Giá, VTC Online, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Goldsun Focus Media. Ông cũng là thành viên của Hiệp hội Asia Society và được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới. Ngoài ra, Ông còn là thành viên hội đồng cố vấn của tổ chức Operation Smile Vietnam và Trường Đại học Anh Quốc Việt Nam.</p>
<p>Ông Phạm Hợp Phó</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.</p> <p>Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.</p>	<p>Ông Phó hiện là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư của Quỹ đầu tư IDG Ventures Việt Nam. Hơn 10 năm qua, ông chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử.</p> <p>Ông từng là cố vấn cấp cao về công nghệ thông tin tại trường Đại học Nam Cali giai đoạn 2001-2006.</p>

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 8 năm 2018



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng bộ phận nghiệp vụ chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám Sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited  
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000  
Fax : (84 24) 3837 8356  
Swift: SCBLNVX

Here for good



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quý”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 19 đến trang 66.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Mẫu B01g – QM  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>(9.043.604.819)</b>	<b>8.301.766.819</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	14	1.143.500.000	1.101.367.200
1.2	Tiền lãi được nhận	03	14	379.713.981	341.355.169
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	15	162.595.907	2.442.848.196
1.4	Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	16	(10.729.414.707)	4.415.758.754
1.5	Thu nhập khác	06		-	437.500
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>180.957.628</b>	<b>159.691.812</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	17	180.957.628	159.691.812
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>827.966.126</b>	<b>819.016.172</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	21	338.439.063	329.666.212
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	18	126.854.604	128.412.932
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	21	117.390.000	117.390.000
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	21	67.080.000	67.080.000
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		66.000.000	66.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		63.173.409	63.263.691
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	19	49.029.050	47.203.337
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>(10.052.528.573)</b>	<b>7.323.058.835</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>(10.052.528.573)</b>	<b>7.323.058.835</b>
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		676.886.134	2.907.300.081
6.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	32		(10.729.414.707)	4.415.758.754
<b>VII</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>(10.052.528.573)</b>	<b>7.323.058.835</b>

Ngày 2 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B02g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.490.392.405</b>	<b>18.342.304.171</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		4.425.169.586	6.324.096.408
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		13.065.222.819	12.018.207.763
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>49.640.027.700</b>	<b>55.758.150.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	49.640.027.700	55.758.150.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>3.413.012.560</b>	<b>1.617.000.580</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	3.054.491.732	1.318.013.410
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	7	358.520.828	298.987.170
3.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	134		12.050.597	-
3.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136		346.470.231	298.987.170
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>70.543.432.665</b>	<b>75.717.454.751</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	465.246.825	623.604.005
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313		-	100.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		600.000	600.000
5	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315	9	-	257.724
6	Chi phí phải trả	316	10	81.161.644	81.200.000
7	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317		-	50.000.000
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	11	135.341.027	145.342.244
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 317 + 319)</b>	<b>300</b>		<b>682.349.496</b>	<b>901.103.973</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B02g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>69.861.083.169</b>	<b>74.816.350.778</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>12</b>	<b>63.686.324.452</b>	<b>59.615.539.652</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		67.944.463.052	63.789.669.252
1.2	Vốn góp mua lại	413		(4.258.138.600)	(4.174.129.600)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>12</b>	<b>1.052.833.527</b>	<b>26.357.363</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>13</b>	<b>5.121.925.190</b>	<b>15.174.453.763</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>12</b>	<b>10.969,56</b>	<b>12.549,81</b>
<b>V</b>	<b>LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>440</b>			
1	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ/năm	441		-	5.961.553.960
2	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		11.894.947.459	11.894.947.459
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>30/6/2018 CCQ</b>	<b>31/12/2017 CCQ</b>
4	Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	12	6.368.632,44	5.961.553,96

Ngày 2 tháng 8 năm 2018

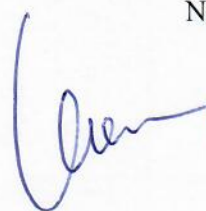
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B03g – QM  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ	74.816.350.778	67.839.106.565
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước <i>Trong đó:</i>	(10.052.528.573)	7.323.058.835
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(10.052.528.573)	7.323.058.835
III	Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ <i>Trong đó:</i>	5.097.260.964	3.238.725.000
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	5.193.900.000	3.238.725.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(96.639.036)	-
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)	69.861.083.169	78.400.890.400

Ngày 2 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B04g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/6/2018 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2018 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM</b>				
1	ACB	96.000	35.600	3.417.600.000	4,84%
2	AMV	181.500	16.000	2.904.000.000	4,12%
3	BFC	88.000	27.000	2.376.000.000	3,37%
4	EIB	50.000	14.500	725.000.000	1,03%
5	FPT	81.000	41.500	3.361.500.000	4,77%
6	HCM	25.000	57.000	1.425.000.000	2,02%
7	HSG	82.500	12.100	998.250.000	1,42%
8	LPB	150.000	11.200	1.680.000.000	2,38%
9	MAS	24.000	43.200	1.036.800.000	1,47%
10	MBB	120.000	26.200	3.144.000.000	4,46%
11	NLG	40.000	28.000	1.120.000.000	1,59%
12	PC1	6.000	32.300	193.800.000	0,26%
13	PMG	200.000	23.600	4.720.000.000	6,69%
14	PNJ	10.000	87.000	870.000.000	1,23%
15	PPC	80.000	17.600	1.408.000.000	2,00%
16	PTB	45.000	56.000	2.520.000.000	3,57%
17	QNS	72.000	36.600	2.635.200.000	3,74%
18	SBV	80.000	28.900	2.312.000.000	3,28%
19	TCB	5.000	91.700	458.500.000	0,64%
20	VNM	16.000	170.000	2.720.000.000	3,86%
21	VPB	113.271	28.700	3.250.877.700	4,61%
22	VPI	90.000	43.600	3.924.000.000	5,56%
23	VSC	70.000	34.850	2.439.500.000	3,46%
		<hr/>		<hr/>	
		1.725.271		49.640.027.700	70,37%
		<hr/>		<hr/>	



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B04g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2018 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>V Các tài sản khác</b>			
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	3.054.491.732	4,33%
2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	358.520.828	0,51%
		3.413.012.560	4,84%
<b>VI Tiền</b>			
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	4.425.169.586	6,27%
2	HẾTG có kỳ hạn không quá 3 tháng	13.065.222.819	18,52%
		17.490.392.405	24,79%
<b>VII Tổng giá trị danh mục</b>		<b>70.543.432.665</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 2 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:




Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



  
 Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B05g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(10.052.528.573)</b>	<b>7.323.058.835</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>02</b>		<b>10.729.414.707</b>	<b>(4.415.758.754)</b>
Chênh lệch giảm/(tăng) thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		10.729.414.707	(4.415.758.754)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>		<b>676.886.134</b>	<b>2.907.300.081</b>
Tăng các khoản đầu tư	20		(4.611.292.407)	(14.330.214.096)
(Tăng)/giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư đáo hạn	06		(1.736.478.322)	1.097.543.711
Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		(59.533.658)	(221.035.222)
Giảm phải trả về mua các khoản đầu tư	10		(158.357.180)	(1.172.255.750)
Giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11		(100.000)	-
Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	14		(50.000.000)	-
(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	16		(38.356)	9.961.649
(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		(10.001.217)	3.809.280
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>		<b>(5.948.915.006)</b>	<b>(11.704.890.347)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	31	11	5.193.900.000	3.238.725.000
Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	32	11	(96.639.036)	-
Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư	35	9	(257.724)	(4.151.042.133)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>		<b>5.097.003.240</b>	<b>(912.317.133)</b>
<b>Giảm tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ</b>	<b>40</b>		<b>(851.911.766)</b>	<b>(12.617.207.480)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B05g – QM  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4</b>	<b>18.342.304.171</b>	<b>21.905.180.236</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	51			
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		6.274.096.408	11.980.295.406
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	53		12.018.207.763	9.924.884.830
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	54		50.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>17.490.392.405</b>	<b>9.287.972.756</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	56			
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		4.425.169.586	7.287.972.756
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	58		13.065.222.819	2.000.000.000
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>	<b>60</b>		<b>(851.911.766)</b>	<b>(12.617.207.480)</b>

Ngày 2 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Người duyệt:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014. Theo Giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo Giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 4) vào tháng 4 năm 2018.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower, Số 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- (ii) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định trong Điều lệ Quỹ;

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- (iv) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- (v) Quỹ không đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- (ix) Quỹ không được trực tiếp đầu tư vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Theo Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, trừ trường hợp quy định tại điểm (vii), (viii) và (ix) bên trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (iii) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iv) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (v) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quỹ;
- (vi) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

#### **Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu “ngày định giá” theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày làm việc trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày làm việc trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

#### **Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hai (02) lần/một (01) tháng vào ngày thứ sáu thứ nhất và thứ sáu thứ ba của tháng (“ngày giao dịch”). Trường hợp ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang thứ sáu của tuần kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

#### **(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### **(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư này được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

#### **(iii) Xác định giá trị**

Theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC và Thông tư số 15/2016/TT-BTC, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

#### **Cổ phiếu**

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách;
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- **Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM**  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách;
  - Giá mua; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
  
- **Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch**  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.  
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan;
  - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
  - Giá trị sổ sách;
  - Giá mua; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
  
- **Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch**  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách;
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
  
- **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản**  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### *Quyền mua chứng khoán*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá trị được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

#### (iv) *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận đồng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

#### (c) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

#### **Thời gian quá hạn**

#### **Mức trích lập dự phòng**

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo thu nhập trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi.

#### (d) **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### (e) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### (f) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

#### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

##### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(g) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

##### ***Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

##### ***Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư 25 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế khấu trừ áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(h) Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn**

##### **(i) *Vốn góp của Nhà đầu tư***

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

##### ***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

##### ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

##### **(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

##### **(iii) *Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị (lỗ)/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư**

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

#### **(i) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở**

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các Chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Cổ tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

#### **(j) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

#### **(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(k) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

#### **(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

#### **(m) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

#### **(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**(o) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng sau đây:

	<b>30/6/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	4.425.169.586	6.274.096.408
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	-	50.000.000
	4.425.169.586	6.324.096.408
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	13.065.222.819	4.009.041.096
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	5.009.166.667
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	-	3.000.000.000
	13.065.222.819	12.018.207.763
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	17.490.392.405	18.342.304.171



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	59.412.451.851	49.640.027.700	603.950.913	(10.376.375.064)	49.640.027.700
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.801.159.444	50.758.150.000	3.755.221.595	(2.798.231.039)	50.758.150.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
	54.801.159.444	55.758.150.000	3.755.221.595	(2.798.231.039)	55.758.150.000

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải thu các khoản đầu tư đáo hạn (*)	3.054.491.732	-
Phải thu về bán các khoản đầu tư (**)	-	1.318.013.410
	<u>3.054.491.732</u>	<u>1.318.013.410</u>

(\*) Phải thu các khoản đầu tư đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 nhưng tiền gốc và lãi của khoản tiền gửi này chưa được chuyển vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát do ngày đáo hạn trùng vào ngày cuối tuần. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất 4,7%/năm.

(\*\*) Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

### 7. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
Dự thu cổ tức	282.000.000	212.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	64.470.231	86.987.170
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn đến ngày nhận	12.050.597	-
	<u>358.520.828</u>	<u>298.987.170</u>

### 8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	465.246.825	623.604.005

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 9. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	257.724

(\*) Số dư phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện số tiền bị trả lại tài khoản chuyên dùng của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát do Nhà đầu tư thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng nhận cổ tức. Khoản phải trả này đã được Quỹ chuyển trả cho Nhà đầu tư trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### 10. Chi phí phải trả

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
Phí kiểm toán	60.002.740	55.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên	4.958.904	10.000.000
	81.161.644	81.200.000

### 11. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
Phí quản lý Quỹ	53.346.027	59.597.244
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	33.000.000	33.000.000
Phí giám sát Quỹ	19.565.000	19.565.000
Phí quản trị Quỹ	11.180.000	11.180.000
Phí lưu ký chứng khoán	10.750.000	10.750.000
Phí giao dịch chứng khoán	7.500.000	11.250.000
	135.341.027	145.342.244

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 12. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 Đồng Việt Nam tương ứng với 5.431.408,96 Chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một Chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2017 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2018 VND
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	6.378.966,92	415.479,38	6.794.446,30
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	63.789.669.252	4.154.793.800	67.944.463.052
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	847.545.300	1.039.106.200	1.886.651.500
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	64.637.214.552	5.193.900.000	69.831.114.552
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	417.412,96	8.400,90	425.813,86
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	4.174.129.600	84.009.000	4.258.138.600
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	821.187.937	12.630.036	833.817.973
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	4.995.317.537	96.639.036	5.091.956.573
<b>Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) - (5)</b>	CCQ	<b>5.961.553,96</b>	<b>407.078,48</b>	<b>6.368.632,44</b>
<b>Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) - (6)</b>	VND	<b>59.615.539.652</b>	<b>4.070.784.800</b>	<b>63.686.324.452</b>
<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) - (7)</b>	VND	<b>26.357.363</b>	<b>1.026.476.164</b>	<b>1.052.833.527</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>	VND	<b>15.174.453.763</b>	<b>(10.052.528.573)</b>	<b>5.121.925.190</b>
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	VND	<b>74.816.350.778</b>		<b>69.861.083.169</b>
<b>NAV hiện hành/1 Chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>	VND/ CCQ	<b>12.549,81</b>		<b>10.969,56</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***13. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	15.174.453.763	8.371.046.570
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(10.052.528.573)	7.323.058.835
Trong đó		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối     (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	676.886.134 (10.729.414.707)	2.907.300.081 4.415.758.754
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	5.121.925.190	15.694.105.405

**14. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>
Cổ tức được chia trong kỳ		
<i>Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	861.500.000	876.044.200
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	282.000.000	225.323.000
	1.143.500.000	1.101.367.200
Tiền lãi được nhận trong kỳ		
<i>Tiền lãi phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	303.193.153	247.897.863
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	64.470.231	93.457.306
<i>Phái thu lãi đến ngày nhận</i>	12.050.597	-
	379.713.981	341.355.169
	1.523.213.981	1.442.722.369

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

**Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***15. Lãi bán các khoản đầu tư****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2018 VND [4]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	55.399.845.500	55.237.249.593	162.595.907	22.711.352.351	2.442.848.196

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2017 VND [4]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	48.512.570.600	46.069.722.404	2.442.848.196	16.974.830.528	1.536.841.957



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**16. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2018 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2018 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2017 VND [4]	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	59.412.451.851	49.640.027.700	(9.772.424.151)	956.990.556	(10.729.414.707)

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2017 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30/6/2017 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	59.615.104.828	61.254.604.500	1.639.499.672	(2.627.459.082)	4.266.958.754
Quyền mua cổ phiếu HPG	-	148.800.000	148.800.000	-	148.800.000
	59.615.104.828	61.403.404.500	1.788.299.672	(2.627.459.082)	4.415.758.754



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>
Chi phí môi giới mua cổ phiếu	97.010.316	86.099.910
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	83.099.772	72.768.862
Chi phí giao dịch thanh toán bù trừ	847.540	823.040
	<hr/>	<hr/>
	180.957.628	159.691.812
	<hr/>	<hr/>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không có liên quan	47.010.601.000	120.073.387.500	39,15%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không có liên quan	47.435.220.500	120.073.387.500	39,50%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	18.092.566.000	120.073.387.500	15,07%	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không có liên quan	7.535.000.000	120.073.387.500	6,28%	0,15%	0,15%-0,50%
<b>Tổng</b>			<b>120.073.387.500</b>		<b>100,00%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	42.752.199.000	105.911.960.600	40,37%	0,15%	0,15%-0,25%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	41.792.197.100	105.911.960.600	39,46%	0,15%	0,15%-0,25%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	21.367.564.500	105.911.960.600	20,17%	0,15%	0,15%-0,25%
<b>Tổng</b>			<b>105.911.960.600</b>		<b>100,00%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lẻ lẻ và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**18. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát	64.500.000	64.500.000
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát	58.500.000	61.350.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.854.604	2.562.932
	<hr/>	<hr/>
	126.854.604	128.412.932
	<hr/>	<hr/>

**19. Chi phí hoạt động khác**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000
Phí ngân hàng	6.970.146	6.244.429
Phí quản lý thường niên của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	4.958.904	4.958.908
Phí lập danh sách thực hiện quyền	1.100.000	-
	<hr/>	<hr/>
	49.029.050	47.203.337
	<hr/>	<hr/>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**20. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
	31/12/2017	74.816.350.778	5.961.553,96	12.549,81	
1	04/01/2018	74.818.314.551	5.961.553,96	12.550,14	0,33
2	11/01/2018	75.969.678.133	5.975.031,87	12.714,52	164,38
3	18/01/2018	74.942.233.437	5.975.031,87	12.542,57	(171,95)
4	25/01/2018	78.776.666.792	6.331.615,22	12.441,80	(100,77)
5	31/01/2018	78.779.376.064	6.331.615,22	12.442,22	0,42
6	01/02/2018	78.651.263.632	6.331.615,22	12.421,99	(20,23)
7	08/02/2018	75.964.762.259	6.332.416,21	11.996,17	(425,82)
8	15/02/2018	78.098.622.231	6.332.416,21	12.333,15	336,98
9	22/02/2018	79.116.818.625	6.332.416,21	12.493,94	160,79
10	28/02/2018	79.814.147.885	6.332.416,21	12.604,06	110,12
11	01/03/2018	79.524.432.825	6.332.416,21	12.558,31	(45,75)
12	08/03/2018	79.388.012.198	6.336.377,73	12.528,93	(29,38)
13	15/03/2018	79.852.555.582	6.336.377,73	12.602,24	73,31
14	22/03/2018	79.832.754.229	6.355.326,73	12.561,55	(40,69)
15	29/03/2018	78.865.814.978	6.355.326,73	12.409,40	(152,15)
16	31/03/2018	79.412.685.280	6.355.326,73	12.495,45	86,05
17	05/04/2018	80.495.780.614	6.355.326,73	12.665,88	170,43
18	12/04/2018	79.322.510.697	6.359.254,60	12.473,55	(192,33)
19	19/04/2018	76.332.017.948	6.359.254,60	12.003,30	(470,25)
20	26/04/2018	72.377.177.997	6.359.254,60	11.381,39	(621,91)
21	30/04/2018	73.355.158.491	6.359.254,60	11.535,18	153,79
22	03/05/2018	72.821.979.413	6.359.254,60	11.451,34	(83,84)
23	10/05/2018	72.867.082.634	6.368.632,44	11.441,56	(9,78)
24	17/05/2018	72.903.700.693	6.368.632,44	11.447,31	5,75
25	24/05/2018	71.567.429.571	6.368.632,44	11.237,49	(209,82)
26	31/05/2018	70.496.317.389	6.368.632,44	11.069,30	(168,19)
27	07/06/2018	73.828.637.573	6.368.632,44	11.592,54	523,24
28	14/06/2018	73.632.068.860	6.368.632,44	11.561,68	(30,86)
29	21/06/2018	71.383.312.270	6.368.632,44	11.208,58	(353,10)
30	28/06/2018	70.173.523.800	6.368.632,44	11.018,62	(189,96)
31	30/06/2018	69.861.083.169	6.368.632,44	10.969,56	950,94
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ				75.910.513.543	
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất				(621,91)	
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất				0,33	



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017</b>					
<b>Kỳ</b>	<b>Tại ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) VND</b> [1]	<b>Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ</b> [2]	<b>NAV/1CCQ</b>	<b>Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ</b>
				<b>tại ngày tính NAV VND/CCQ</b> [3] = [1]/[2]	
	31/12/2016	67.839.106.565	5.930.060,19	11.439,87	
1	05/01/2017	68.316.381.318	5.930.060,19	11.520,35	80,48
2	12/01/2017	68.998.854.292	5.930.060,19	11.635,44	115,09
3	19/01/2017	68.092.533.485	5.930.060,19	11.482,60	(152,84)
4	26/01/2017	69.480.632.487	5.930.060,19	11.716,68	234,08
5	31/01/2017	69.473.445.749	5.930.060,19	11.715,47	(1,21)
6	02/02/2017	69.968.624.232	5.930.060,19	11.798,97	83,50
7	09/02/2017	73.699.767.886	6.199.914,25	11.887,22	88,25
8	16/02/2017	74.053.198.162	6.199.914,25	11.944,23	57,01
9	23/02/2017	74.392.549.087	6.202.413,36	11.994,13	49,90
10	28/02/2017	73.725.085.366	6.202.413,36	11.886,52	(107,61)
11	02/03/2017	73.427.410.476	6.202.413,36	11.838,52	(48,00)
12	09/03/2017	73.894.552.457	6.202.413,36	11.913,84	75,32
13	16/03/2017	73.771.802.459	6.202.413,36	11.894,05	(19,79)
14	23/03/2017	74.461.690.779	6.204.504,74	12.001,23	107,18
15	30/03/2017	74.516.144.989	6.204.504,74	12.010,01	8,78
16	31/03/2017	74.446.845.179	6.204.504,74	11.998,84	(11,17)
17	06/04/2017	74.078.790.874	6.204.504,74	11.939,52	(59,32)
18	13/04/2017	74.346.816.605	6.204.504,74	11.982,72	43,20
19	20/04/2017	73.187.703.855	6.204.504,74	11.795,90	(186,82)
20	27/04/2017	73.437.548.093	6.204.504,74	11.836,17	40,27
21	30/04/2017	73.546.172.751	6.204.504,74	11.853,67	17,50
22	04/05/2017	73.768.495.264	6.204.504,74	11.889,51	35,84
23	11/05/2017	74.901.852.692	6.204.504,74	12.072,17	182,67
24	18/05/2017	74.463.167.314	6.204.504,74	12.001,47	(70,70)
25	25/05/2017	75.765.182.215	6.204.504,74	12.211,32	209,85
26	31/05/2017	75.852.034.907	6.204.504,74	12.225,32	14,00
27	01/06/2017	76.172.150.573	6.204.504,74	12.276,91	51,59
28	08/06/2017	76.946.324.336	6.204.504,74	12.401,69	124,78
29	15/06/2017	77.709.754.342	6.204.504,74	12.524,73	123,04
30	22/06/2017	78.128.065.281	6.204.504,74	12.592,15	67,42
31	29/06/2017	78.236.513.493	6.204.504,74	12.609,63	17,48
32	30/06/2017	78.400.890.400	6.204.504,74	12.636,12	26,49
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ</li> <li>▪ Biến động NAV/1CCQ trong kỳ ở mức cao nhất</li> <li>▪ Biến động NAV/1CCQ trong kỳ ở mức thấp nhất</li> </ul>				73.864.405.669	234,08
				73.864.405.669	(1,21)



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 21. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

#### (a) Giao dịch với các bên liên quan

##### (i) Các bên liên quan

Trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### *Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Phí quản lý Quỹ	338.439.063	329.666.212
Mua Chứng chỉ quỹ		
<i>Số lượng Chứng chỉ quỹ</i>	356.984,25	269.854,06
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	3.569.842.500	2.698.540.600
<i>Thặng dư vốn</i>	907.657.500	485.459.400

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá (2017: 0,9% một năm). Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán năm để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Chứng khoán của Quỹ*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Phí môi giới	27.138.850	32.051.348

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là công ty chứng khoán của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Thu nhập từ lãi tiền gửi	189.919.719	62.016.666
Phí ngân hàng	669.214	-

**Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**(ii) Các hợp đồng then chốt khác****Giao dịch với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Phí dịch vụ giám sát	117.390.000	117.390.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	67.080.000	67.080.000
Phí lưu ký chứng khoán	64.500.000	64.500.000
Phí giao dịch chứng khoán	58.500.000	61.350.000
Phí ngân hàng	6.268.579	6.244.429
	313.738.579	316.564.429

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ.

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"><li>0,035% mỗi năm;</li></ul> Mức phí giám sát tối thiểu là 19.565.000 Đồng Việt Nam mỗi tháng.
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none"><li>0,06% mỗi năm;</li></ul> Mức phí lưu ký tối thiểu là 10.750.000 Đồng Việt Nam mỗi tháng.
Quản trị quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"><li>0,02% mỗi năm;</li></ul> Mức phí quản trị quỹ tối thiểu là 11.180.000 Đồng Việt Nam mỗi tháng.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"><li>150.000 Đồng Việt Nam/giao dịch</li></ul>

#### (b) Số dư với các bên liên quan

	30/6/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt</b>		
Phí quản lý quỹ phải trả	53.346.027	59.597.244
Số lượng Chứng chỉ quỹ đang nắm giữ	5.402.957,71	5.045.973,46
<b>Ngân hàng TMCP Bản Việt</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	13.065.222.819	4.009.041.096
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	-	5.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	64.470.231	49.731.477
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	4.425.169.586	6.324.096.408
Phí dịch vụ phải trả	48.995.000	52.745.000
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 22. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,89%	0,89%
2 Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,64%	0,67%
3 Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,35%	0,36%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,17%	0,17%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,09%	0,10%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,18%	2,22%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (lần)	1,58	1,47

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	59.615.539.652	59.300.601.952
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	5.961.553,96	5.930.060,19
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	415.479,38	274.444,55
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	4.154.793.800	2.744.445.500
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(8.400,90)	-
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(84.009.000)	-
<b>3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	63.686.324.452	62.045.047.452
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	6.368.632,44	6.204.504,74
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ</b>		
	95,74%	92,39%
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ</b>		
	97,09%	97,91%
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ</b>		
	0,28%	0,16%
<b>7 Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>		
	120	110
<b>8 NAV/đơn vị quỹ cuối kỳ</b>		
	10.969,56	12.636,12

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **23. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại các ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày báo cáo thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	465.246.825	465.246.825	465.246.825	-	-
Chi phí phải trả	81.161.644	81.161.644	81.161.644	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	135.341.027	135.341.027	135.341.027	-	-
	681.749.496	681.749.496	681.749.496	-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	623.604.005	623.604.005	623.604.005	-	-
Phải trả cho các đại lý phân phối				-	-
Chứng chỉ quỹ	100.000	100.000	100.000	-	-
Thu nhập phải trả cho Nhà đầu tư	257.724	257.724	257.724	-	-
Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	145.342.244	145.342.244	145.342.244	-	-
	850.503.973	850.503.973	850.503.973	-	-

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### **(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn và hưởng lãi suất cố định.

#### **(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

#### **(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 49.640.027.700 Đồng Việt Nam (31/12/2017: 50.758.150.000 Đồng Việt Nam). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (31/12/2017: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 4.964.002.770 Đồng Việt Nam (31/12/2017: 5.075.815.000 Đồng Việt Nam).

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### (d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

### (i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	49.640.027.700	49.640.027.700	55.758.150.000	55.758.150.000
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM</i>	49.640.027.700	49.640.027.700	50.758.150.000	50.758.150.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng</i>	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	17.490.392.405	17.490.392.405	18.342.304.171	18.342.304.171
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	3.054.491.732	3.054.491.732	1.318.013.410	1.318.013.410
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	358.520.828	358.520.828	298.987.170	298.987.170



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	465.246.825	465.246.825	623.604.005	623.604.005
▪ Phải trả cho các đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	-	-	100.000	100.000
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	-	257.724	257.724
▪ Chi phí phải trả	81.161.644	81.161.644	81.200.000	81.200.000
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	135.341.027	135.341.027	145.342.244	145.342.244

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## **24. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Hoạt động kinh doanh của Quỹ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ.

## **25. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc so với cùng kỳ năm ngoái.

## **26. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ ảnh hưởng đến Giá trị Tài sản ròng, Thu nhập thuần hoặc lưu chuyển tiền tệ của Quỹ

## **27. Các thay đổi trong cơ cấu của Quỹ**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Quỹ kể từ ngày kết thúc năm tài chính gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**28. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá gần nhất (ngày 31 tháng 7 năm 2018) là 69.339.816.048 VND, giảm 0,75% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**29. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 2 tháng 8 năm 2018.

Ngày 2 tháng 8 năm 2018

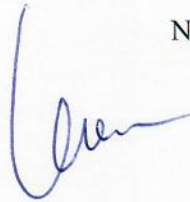
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc